

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ TỔ HỢP LAI MƯỚP ĐẮNG TRIỂN VỌNG TẠI GIA LÂM, HÀ NỘI

Phạm Thị Minh Huệ¹, Ngô Thị Hạnh¹

TÓM TẮT

Từ các dòng mướp đắng bố và dòng mẹ được kế thừa và làm thuần từ các giai đoạn trước, Viện Nghiên cứu Rau quả đã tạo ra được rất nhiều tổ hợp lai mướp đắng. Đánh giá 10 tổ hợp lai mướp đắng triển vọng nhằm lựa chọn được một số tổ hợp lai có đặc điểm quả phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, năng suất cao, chịu được một số bệnh hại chính để tăng bộ giống mướp đắng trong sản xuất. Kết quả đã lựa chọn được 2 tổ hợp lai triển vọng THL 3, sinh trưởng khỏe có đặc điểm quả xanh, gai nở thịt quả dày, năng suất trên 45 tấn/ha vụ xuân hè và trên 41 tấn/ha vụ thu đông phù hợp với các tỉnh miền Bắc và miền Nam. Lựa chọn được THL 9 sinh trưởng khỏe, quả thuôn dài, gai dày, xanh đậm, bóng, năng suất đạt cao 55,87 tấn/ha vụ xuân hè và 48,49 tấn/ha vụ thu đông thích hợp phát triển giống cho một số tỉnh miền Trung. Các tổ hợp lai đều chịu được bệnh sương mai và phấn trắng trong điều kiện đồng ruộng.

Từ khóa: *Chịu bệnh, mướp đắng, tổ hợp lai.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mướp đắng hay còn gọi là khổ qua (*Momordica charantia* L.) là một trong các cây rau ăn quả trong họ bầu bí, có giá trị dinh dưỡng cao, phần ăn được đạt trên 95%. Trong quả mướp đắng chứa rất nhiều dưỡng chất có lợi cho cơ thể như sắt, canxi, vitamin A, B, C protein và khoáng chất [2]. Quả mướp đắng rất quý vì nó vừa là loại rau vừa là một vị thuốc có vị đắng, tính mát. Khi quả còn xanh nó có tính giải nhiệt, tiêu đờm, mắt sáng, mắt tim, nhuận tràng, bổ thận, lợi tiểu, giảm đau nhức xương [1]

Ở nước ta chưa có nhiều kết quả nghiên cứu về chọn tạo giống mướp đắng được công bố. Người dân thường tự để giống, các giống địa phương được chọn quả để gieo theo kinh nghiệm, do không được chọn lọc trong quá trình nhân giống và duy trì giống nên cho năng suất, chất lượng thấp, hình thái quả chưa đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng. Ngoài ra, tại các vùng trồng tập trung chủ yếu sử dụng hạt lai F1 nhập nội từ một số nước và vùng lãnh thổ trong khu vực như Thái Lan, Ấn Độ, Đài Loan... Các giống nhập nội tuy cho năng suất cao, mẫu quả đẹp, song thường bị sâu, bệnh hại làm thất thu năng suất và có giá hạt giống cao nên chưa mang lại hiệu quả kinh tế lớn cho người sản xuất [3].

Viện Nghiên cứu Rau quả đã và đang tiếp tục chọn tạo ra được một số tổ hợp lai mướp đắng có năng suất cao, chất lượng tốt và chịu được một số bệnh hại chính nhằm đưa vào sản xuất để cải thiện bộ giống hiện có trên thị trường.

Khảo nghiệm cơ bản các tổ hợp lai nhằm chọn ra những tổ hợp lai ưu tú để khảo nghiệm sản xuất.

2. VẬT LIỆU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

- Từ các dòng thuần mướp đắng như V1, V4, V12, T1, T5, T21 được kế thừa, phân lập tách dòng từ các giai đoạn trước, các dòng thuần mướp đắng thu thập từ Trung tâm Rau thế giới (WorldVeg) để tạo 10 tổ hợp lai mướp đắng có ký hiệu từ THL 1 đến THL 10

- 2 giống mướp đắng đối chứng là TV 207 (Tre Việt) và giống Palee (Công ty East West)

2.2. Địa điểm, thời gian và nội dung nghiên cứu

- *Địa điểm nghiên cứu:*

Các thí nghiệm được bố trí tại khu thí nghiệm ngoài đồng ruộng tại Viện Nghiên cứu Rau quả, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

- *Thời gian nghiên cứu:*

Thí nghiệm được tiến hành 2 vụ: vụ xuân hè (từ tháng 2 - 6/2019), vụ thu đông (tháng 8 - 11/2019)

- *Nội dung nghiên cứu:*

Đánh giá đặc điểm nông sinh học, năng suất và chống chịu với bệnh hại chính của các tổ hợp lai mướp đắng triển vọng.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Diện tích mỗi ô thí nghiệm là: 15m².

- Mật độ: 16.000 cây/ha. Cây cách cây 1m, Hàng cách hàng 1,2cm,

¹ Viện Nghiên cứu Rau quả
E.mail: huevrq@gmail.com

- Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh (RCBD)

- Các chỉ tiêu theo dõi: Thời gian từ trồng tới 50% cây ra hoa cái đầu, Thời gian từ trồng tới thu hoạch quả đầu, tổng thời gian sinh trưởng, chiều cao thân chính, số nhánh cấp một, cấu tạo lá, đặc điểm màu sắc và gai quả, chiều dài quả, đường kính quả, khối lượng quả. Năng suất lý thuyết = số quả/cây x khối lượng trung bình quả x 16.000/1.000 (tấn/ha). Độ đắng của quả được đánh giá cảm quan bằng cách rửa sạch và ăn trực tiếp.

Xác định điểm nhiễm bệnh theo hướng dẫn của Trung tâm Rau thế giới: điểm 0: không có triệu chứng; điểm 1: Nhẹ 1-10% diện tích lá bị nhiễm; điểm 2: Trung bình 11-25% diện tích lá bị nhiễm; điểm 3: Nặng 26-50% diện tích lá bị nhiễm; điểm 4: Rất nặng 51-75% diện tích lá bị nhiễm; điểm 5: Nghiêm trọng 76-100% diện tích lá bị nhiễm (Rất mất cảm)

- Quy trình trồng trọt

Bảng 1: Thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng của các tổ hợp lai mướp đắng vụ xuân hè và vụ thu đông 2019 tại Gia Lâm – Hà Nội

THL	Thời gian từ trồng đến....(ngày)			THL	Thời gian từ trồng đến ngày... (ngày)		
	50% số cây ra hoa cái	Thu hoạch quả đầu	Tổng thời gian sinh trưởng		50% số cây ra hoa cái	Thu hoạch quả đầu	Tổng thời gian sinh trưởng
	Xuân hè 2019				Thu đông 2019		
THL 1	28	35	120	THL 1	25	32	100
THL 2	28	35	120	THL 2	25	32	100
THL 3	29	36	130	THL 3	27	34	110
THL 4	29	37	120	THL 4	27	34	100
THL 5	28	36	120	THL 5	25	32	100
THL 6	30	37	120	THL 6	25	32	100
THL 7	26	35	120	THL 7	25	32	100
THL 8	28	36	120	THL 8	27	34	110
THL 9	34	42	140	THL 9	32	40	120
THL 10	36	45	140	THL 10	36	45	120
TV 207 (Đ/C1)	28	35	120	TV 207 (Đ/C1)	25	32	100
Palee (Đ/C2)	36	45	140	Palee (Đ/C2)	36	45	120

Thời gian từ trồng tới 50% số cây ra hoa cái có sự khác biệt giữa các tổ hợp lai, các tổ hợp lai mướp đắng ra hoa sau khi trồng 28 – 30 ngày (vụ xuân). Thời gian bắt đầu cho thu hoạch quả từ 35 – 37 ngày sau trồng. Vụ thu đông do nhiệt độ ẩm đầu vụ nên các tổ hợp lai ra hoa sớm hơn so với vụ xuân từ 2-3 ngày và thời gian cho thu hoạch quả cũng sớm hơn 2-3 ngày, một số THL có thời gian từ trồng tới thu

Áp dụng quy trình sản xuất mướp đắng thương phẩm của Viện Nghiên cứu Rau quả.

Phân chuồng hoai mục: 20.000 kg/ha; N - P₂O₅ - K₂O: 120 - 60 - 120 kg/ha

Làm giàn bằng cây dóc tre và chằng lưới trước khi trồng.

- Phương pháp phân tích số liệu

Số liệu được tính toán và xử lý bằng phần mềm Excel, IRRISTAT 5.0.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng của các tổ hợp lai mướp đắng.

Thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng có ý nghĩa quan trọng để bố trí thời vụ và luân canh giữa các cây trồng. Các giai đoạn sinh trưởng quan trọng đối với mướp đắng là thời gian ra hoa, thời gian thu hoạch quả và tổng thời gian sinh trưởng.

hoạch quả đầu dài sau trồng 40 – 45 ngày như THL 9, THL 10, giống Palee (ĐC 2) ở cả 2 thời vụ.

Tổng thời gian sinh trưởng của các tổ hợp lai mướp đắng vụ xuân hè 120 ngày. Các THL 9, THL 10 và giống Palee có tổng thời gian sinh trưởng dài 140 ngày. Vụ thu đông, tổng thời gian sinh trưởng của các tổ hợp lai mướp đắng ngắn hơn so với vụ xuân hè 20 ngày nên chỉ là 100 - 120 ngày

Bảng 2: Đặc điểm sinh trưởng của các tổ hợp lai mướp đắng vụ xuân hè và thu đông 2019 tại Gia Lâm – Hà Nội

TT	Chiều cao thân chính (m)	Số nhánh cấp 1	Cấu tạo lá	TT	Chiều cao thân chính (m)	Số nhánh cấp 1	Cấu tạo lá
	Xuân hè 2019				Thu đông 2019		
THL 1	4,5	17,4	Bản lá to, xanh sáng, chóp lá tròn	THL 1	4,4	17,1	Bản lá to, xanh sáng, chóp lá tròn
THL 2	4,6	18,1	Bản lá to, xanh sáng, chóp lá tròn	THL 2	4,8	19,1	Bản lá to, xanh sáng, chóp lá tròn
THL 3	5,5	21,4	Bản lá to, xanh sáng, chóp lá tròn	THL 3	5,4	19,5	Bản lá to, xanh sáng, chóp lá tròn
THL 4	5,3	20,2	Bản lá to, màu xanh đậm, chóp lá nhọn	THL 4	4,8	18,6	Bản lá to, màu xanh đậm, chóp lá nhọn
THL 5	5,1	19,8	Bản lá to, xanh đậm, xẻ thùy sâu, chóp lá tròn	THL 5	4,5	18,5	Bản lá to, xanh đậm, xẻ thùy sâu, chóp lá tròn
THL 6	5,0	18,7	Bản lá to, xanh sáng, chóp lá nhọn	THL 6	4,8	20,1	Bản lá to, xanh sáng, chóp lá nhọn
THL 7	4,5	14,1	Bản lá to, xanh sáng, chóp lá tròn	THL 7	4,2	13,5	Bản lá to, xanh sáng, chóp lá tròn
THL 8	5,2	20,0	Bản lá to, xanh sáng, xẻ thùy sâu, chóp lá tròn	THL 8	5,2	20,2	Bản lá to, xanh sáng, xẻ thùy sâu, chóp lá tròn
THL 9	5,6	22,8	Bản lá trung bình, xanh đậm, xẻ thùy sâu chóp lá nhọn	THL 9	5,4	21,0	Bản lá trung bình, xanh đậm, xẻ thùy sâu chóp lá nhọn
THL 10	5,5	20,5	Bản lá trung bình, xanh đậm, xẻ thùy sâu chóp lá nhọn	THL 10	4,8	20,1	Bản lá trung bình, xanh đậm, xẻ thùy sâu chóp lá nhọn
TV 207 (Đ/C1)	4,8	20,6	Bản lá to, xanh sáng, chóp lá tròn	TV 207 (Đ/C1)	4,8	19,5	Bản lá to, xanh sáng, chóp lá tròn
Palee (Đ/C2)	5,5	22,2	Bản lá trung bình, xanh đậm, xẻ thùy sâu chóp lá nhọn	Palee (Đ/C2)	5,1	20,5	Bản lá trung bình, xanh đậm, xẻ thùy sâu chóp lá nhọn

Đánh giá đặc điểm sinh trưởng của các tổ hợp lai mướp đắng rất quan trọng từ đó bố trí mật độ trồng phù hợp để cây sinh trưởng, phát triển và năng suất đạt cao nhất. Theo dõi đánh giá các tổ hợp lai nhận thấy một số tổ hợp lai có khả năng sinh trưởng khỏe, phân nhánh mạnh như THL 3, THL 4, THL 9, THL 10, Palee (Đ/C 2) có chiều cao thân chính đạt 5,3-5,6m, số nhánh cấp 1 đạt 20-22 nhánh, bản lá to, xanh

đến xanh sáng, sinh trưởng khỏe. Các tổ hợp lai sinh trưởng và mức độ phân nhánh trung bình như các THL 5, THL 8 và giống đối chứng TV207. Các tổ hợp lai phân nhánh ít như THL 7 chỉ đạt 13 – 14 nhánh cấp 1.

Đánh giá đặc điểm bộ lá của các tổ hợp lai mướp đắng nhận thấy THL 4, THL 8, THL 9, THL 10, giống Palee có bản lá to, xanh đậm, xẻ thùy sâu, các THL

mướp đắng khác có bản lá to, có màu xanh sáng như giống đối chứng TV207.

Đánh giá đặc điểm hình thái quả của các tổ hợp lai mướp đắng được trình bày tại bảng 3 cho thấy không có sự khác biệt nhiều ở cả 2 thời vụ. Hình dạng quả phân theo chiều dài và đường kính quả, các THL 1, THL 2 có chiều dài quả ngắn 14-15 cm và đường kính 4,8 – 5 cm được xếp có dạng elip, các tổ hợp lai khác có chiều dài 18 – 21,5cm, đường kính 4,5

-5 cm được xếp dạng hình trụ. Độ dày thịt quả có sự khác biệt, một số THL có độ dày thịt quả đạt 0,9 – 1 cm như THL1, THL 2, THL 3, THL 4...và giống đối chứng TV207, đây cũng là các THL có màu xanh đến xanh sáng, gai nở, thưa, độ đắng trung bình. Một số tổ hợp lai mướp đắng có độ dày thịt mỏng như THL 7, THL 9, THL 10 và giống đối chứng Palee có gai dày, nhọn, màu xanh đến xanh đậm và có độ đắng cao.

Bảng 3: Đặc điểm hình thái quả của các tổ hợp lai mướp đắng vụ xuân hè và thu đông 2019 tại Gia Lâm – Hà Nội

TT	Dạng quả	Màu sắc quả	Chiều dài quả (cm)	Đường kính quả (cm)	Độ dày thịt quả (cm)	Gai quả	Độ đắng	TT	Dạng quả	Màu sắc quả	Chiều dài (cm)	Đường kính (cm)	Độ dày thịt quả (cm)	Gai quả	Độ đắng
Xuân hè 2019								Thu đông 2019							
THL 1	Ellip	Xanh sáng	14,56	4,89	1,03	Gai thưa, to, có gờ	Trung bình	THL 1	Ellip	Xanh sáng	14,47	4,79	1,00	Gai thưa, to, có gờ	Trung bình
THL 2	Ellip	Xanh sáng	15,52	5,02	1,02	Gai thưa, to, có gờ	Trung bình	THL 2	Ellip	Xanh sáng	15,38	4,92	1,01	Gai thưa, to, có gờ	Trung bình
THL 3	Hình trụ	Xanh	21,43	4,81	1,02	Gai trung bình, gai to	Trung bình	THL 3	Hình trụ	Xanh	20,93	4,60	1,01	Gai trung bình, gai to	Trung bình
THL 4	Hình trụ	Xanh	20,37	4,63	0,99	Gai thưa, to, có gờ	Trung bình	THL 4	Hình trụ	Xanh	20,35	4,65	1,00	Gai thưa, to, có gờ	Trung bình
THL 5	Hình trụ	Xanh	21,38	4,72	1,02	Gai thưa to	Trung bình	THL 5	Hình trụ	Xanh	21,05	4,66	1,01	Gai thưa to	Trung bình
THL 6	Hình trụ	Xanh	20,79	4,82	1,02	Gai dày, gai tù	Trung bình	THL 6	Hình trụ	Xanh	20,72	4,74	1,01	Gai dày, gai tù	Trung bình
THL 7	Hình trụ	Xanh	20,45	4,55	0,69	Gai dày, gai tù	Trung bình	THL 7	Hình trụ	Xanh	20,60	4,52	0,70	Gai dày, gai tù	Trung bình
THL 8	Hình trụ	Xanh sáng	20,60	4,57	1,02	Gai dày, to, nổi rõ	Trung bình	THL 8	Hình trụ	Xanh sáng	20,67	4,57	1,00	Gai dày, to, nổi rõ	Trung bình
THL 9	Hình trụ	Xanh đậm	21,43	4,61	0,65	Gai dày, gai tù	Cao	THL 9	Hình trụ	Xanh đậm	21,47	4,55	0,65	Gai dày, gai tù	Cao
THL 10	Hình trụ	Xanh đậm	19,93	4,60	0,65	Gai dày, nhọn	Cao	THL 10	Hình trụ	Xanh đậm	20,16	4,59	0,62	Gai dày, nhọn	Cao
TV 207 (Đ/C1)	Hình trụ	Xanh sáng	20,28	5,01	0,93	Gai thưa, gai to	Trung bình	TV 207 (Đ/C1)	Hình trụ	Xanh sáng	20,47	4,93	0,93	Gai thưa, gai to	Trung bình
Palee (Đ/C2)	Hình trụ	Xanh đậm	21,40	4,60	0,67	Gai dày, nhọn	Cao	Palee (Đ/C2)	Hình trụ	Xanh đậm	21,51	4,57	0,67	Gai dày, nhọn	Cao
CV%			2,0	1,6	4,4						2,1	1,9	3,1		
LSD 0,05			0,67	0,12	0,06						0,7	0,15	0,04		

Bảng 4: Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của các tổ hợp lai mướp đắng trong vụ xuân hè và thu đông 2019 tại Gia Lâm, Hà Nội

TT	Số quả/cây	Khối lượng quả (g)	Khối lượng quả/cây (kg)	Năng suất lý thuyết (tấn/ha)	Năng suất thực thu (tấn/ha)	TT	Số quả/cây	Khối lượng quả (g)	Khối lượng quả/cây (kg)	Năng suất lý thuyết (tấn/ha)	Năng suất thực thu (tấn/ha)
Xuân hè 2019						Thu đông 2019					
THL 1	26,70	135,97	3,63	58,15	43,66	THL 1	24,88	135,00	3,37	53,85	40,22
THL 2	27,17	145,10	3,94	63,00	47,20	THL 2	24,61	145,00	3,57	57,16	44,82
THL 3	24,23	175,41	4,25	67,97	50,75	THL 3	21,43	168,33	3,61	57,81	47,62
THL 4	20,77	168,00	3,49	55,87	42,60	THL 4	20,02	159,33	3,19	51,05	41,09
THL 5	21,90	172,00	3,77	60,25	45,04	THL 5	19,81	166,67	3,30	52,81	41,80
THL 6	19,52	172,33	3,36	53,82	40,71	THL 6	18,60	166,67	3,10	49,55	37,79
THL 7	20,30	162,33	3,30	52,74	39,58	THL 7	19,60	161,00	3,16	50,58	39,74
THL 8	20,77	166,67	3,46	55,31	41,61	THL 8	18,74	164,33	2,99	47,79	38,63
THL 9	29,33	159,00	4,67	74,65	55,87	THL 9	24,66	158,33	3,91	62,48	48,49
THL 10	26,93	153,00	4,11	65,83	49,21	THL 10	24,54	150,00	3,68	58,86	45,57
TV 207	21,93	165,33	3,63	58,02	43,77	TV 207	20,38	165,00	3,36	53,82	41,06
Palee	27,43	158,33	4,34	69,48	52,33	Palee	23,90	155,00	3,70	59,25	47,18
CV%	4,2	3,4	4,6		4,1	CV%	5,0	4,5	7,4		6,8
LSD 0,05	1,7	9,3	0,3		3,1	LSD 0,05	1,8	12,09	0,42		4,9

Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của các tổ hợp lai quyết định sự phát triển giống ra ngoài sản xuất. Mướp đắng là cây ưa nhiệt độ cao và thích hợp trồng vụ xuân hè tại miền Bắc. Đánh giá yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của mướp đắng nhận thấy về khối lượng quả của mỗi THL ở 2 vụ không có sự khác biệt. Tuy nhiên về số quả trên cây có sự khác biệt giữa các THL và khác biệt ở cả 2 thời vụ dẫn tới năng suất khác nhau.

Số quả trên cây của THL1, THL 2, THL 3, THL 9, THL 10 và giống Palee đạt khá cao từ 24 – 29 quả/cây (vụ xuân hè), vụ thu đông đạt trên 20 quả/cây là các THL 1, THL 2, THL 3, THL 4, THL 9, THL 10 và cả 2 giống đối chứng.

Khối lượng quả trên cây của một số THL đạt cao từ 3,9 – 4,6 kg/cây (vụ xuân hè) như THL 2, THL 3, THL 9, THL 10, và giống Palee và đạt 3,5 – 3,7 kg/cây (vụ thu đông)

Năng suất thực thu của các THL có màu quả xanh sáng, gai nở phù hợp với các tỉnh miền Bắc và miền Nam được so sánh với giống đối chứng TV 207 ở cả 2 vụ đều giữ năng suất tương đối ổn định chỉ chênh lệch 1- 3 tấn/ha và cao hơn giống đối chứng như THL 2 (47,2 tấn/ha vụ xuân hè, 44,82 tấn/ha vụ thu đông) THL 3 (50,75 tấn/ha vụ xuân hè và 47,62

tấn/ha vụ thu đông), THL5 (45,04 tấn/ha vụ xuân hè và 41,8 tấn/ha vụ thu đông), giống TV 207 đạt 43,77 tấn/ha vụ xuân hè và 41,06 tấn/ha vụ thu đông.

Năng suất của THL 9 và THL 10 ở 2 vụ có sự chênh lệch lớn. Năng suất của THL 9 đạt 55,87 tấn/ha vụ xuân hè và 48,49 tấn/ha vụ thu đông và cao hơn giống đối chứng Palee 1-3 tấn/ha ở 2 vụ.

Đối với mướp đắng sâu hại chủ yếu là sâu cuốn lá vào giai đoạn cây trước khi ra hoa và sâu đục quả tuy nhiên phòng trừ dễ và ít ảnh hưởng tới năng suất. Bệnh virut ít xuất hiện trên mướp đắng. Đối tượng khó phòng trừ và ảnh hưởng lớn tới năng suất là bệnh sương mai và bệnh phấn trắng đôi khi cả 2 bệnh xuất hiện cùng lúc. Qua theo dõi đánh giá nhận thấy bệnh sương mai xuất hiện ở tất cả các TH lai và ở cả 2 vụ tuy nhiên mức độ khác nhau: THL1, THL4, THL6, THL 7, THL8 mức điểm 3 (vụ xuân hè) và mức 2 (vụ thu đông). Các THL 9, THL 10 và giống đối chứng Palee mức độ thể hiện bệnh sương mai thấp hơn chỉ đạt 1 điểm.

Bệnh phấn trắng xuất hiện mạnh khi nhiệt độ xuống thấp, thời tiết hanh khô thể hiện bệnh rõ nhất vụ thu đông với cấp điểm 3 như THL 4, THL6, THL7, THL 8. Một số THL chịu bệnh phấn trắng khá tốt ở vụ xuân hè như THL 9, THL 10 và giống đối chứng Palee.

Bảng 5: Đánh giá tình hình bệnh hại trên các tổ hợp lai mướp đắng vụ xuân hè và vụ thu đông 2019 tại Gia Lâm – Hà Nội

TT	Sương mai (điểm)	Phấn trắng (điểm)	TT	Sương mai (điểm)	Phấn trắng (điểm)
Xuân hè 2019			Thu đông 2019		
THL 1	3	2	THL 1	2	2
THL 2	2	2	THL 2	2	2
THL 3	2	1	THL 3	1	2
THL 4	3	2	THL 4	2	3
THL 5	2	2	THL 5	1	2
THL 6	3	2	THL 6	2	3
THL 7	3	2	THL 7	2	3
THL 8	3	2	THL 8	2	3
THL 9	1	0	THL 9	1	1
THL 10	1	0	THL 10	1	1
TV 207 (ĐC 1)	2	1	TV 207 (ĐC 1)	2	2
Palee (ĐC 2)	1	0	Palee (ĐC 2)	1	1

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

- Các tổ hợp lai đều sinh trưởng và phát triển tốt trong vụ xuân hè và thu đông năm 2019 tại Gia Lâm, Hà Nội.

- Trong 10 tổ hợp lai mướp đắng đã lựa chọn được tổ hợp lai triển vọng là THL 3, sinh trưởng khỏe có đặc điểm quả xanh, gai nở thịt quả dày năng suất trên 45 tấn/ha vụ xuân hè và trên 41 tấn/ha vụ thu đông.

- Lựa chọn được THL 9 sinh trưởng khỏe, quả thuôn dài, gai dày, xanh đậm, bóng, năng suất đạt khá cao 55,87 tấn/ha vụ xuân hè và 48,49 tấn/ha vụ thu đông, chịu bệnh sương mai và phấn trắng tốt.

- Lựa chọn THL3 và THL 9 sinh trưởng khỏe, năng suất cao, chịu bệnh khá để tiếp tục khảo

nghiệm cơ bản và khảo nghiệm sản xuất trong vụ tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Khắc Thi, Phạm Mỹ Linh (2007), *Rau an toàn cơ sở khoa học và kỹ thuật canh tác*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, tr 126.

2. Ngô Thị Hạnh, Phạm Mỹ Linh, Lê Thị Tình (2015), *Kết quả nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất mướp đắng MĐ1 an toàn*, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tháng 2/2015.

3. Ngô Thị Hạnh, Phạm Thị Minh Huệ (2016), *Kết quả chọn tạo giống mướp đắng lai GL 1-13*, Tạp chí KHCN (VAAS) số 8/2016.

EVALUATION OF POTENTIAL NEW BITTER GOURD HYBRID IN GIA LAM, HANOI

Pham Thi Minh Hue, Ngo Thi Hanh

Summary

From father and mother lines that have been inherited and purified from the previous periods, the Fruit and Vegetable Research Institute has bred many bitter gourd cross combinations. 10 promising bitter gourd cross combinations were evaluated to select some superiors ones with fruit characteristics suitable for consumers demand, high yield, tolerant to some major diseases. In the study, 2 promising cross combinations, namely THL 3, with vigorous growth, fruit of green color, thick flesh, yielding over 45 tons/ha in spring-summer season and over 41 tons /ha in autumn-winter season, suitable for production in the Northern and Southern provinces. THL9 showed vigorous growth, with elongated fruits, thick warts, shiny dark green color, yielding 55.87 tons/ha in spring-summer season and 48.49 tons/ha in autumn-winter season. The hybrid combinations showed resistance to downy mildew and powdery mildew in field conditions.

Keywords: Disease-resistant, bitter gourd, hybrid.

Người phản biện: GS.TS. Trần Khắc Thi

Ngày nhận bài: 7/1/2020

Ngày thông qua phản biện: 12/2/2020

Ngày duyệt đăng: 19/2/2020